

Số: 03/2020/QĐST-KDTM

TP. Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ trụ sở: Số 198 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T- Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Cao C- Giám đốc N chi nhánh H (*Giấy ủy quyền số 12/UQ-VCB-PC ngày 01/01/2020*).

Người được ông C ủy quyền lại: Bà Phạm Minh Đ- Phó giám đốc N chi nhánh H.

Địa chỉ: Số 66 N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*Giấy ủy quyền số 631.8/UQ-VCB.HCNS ngày 11/5/2020*).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở: Ô 61, khu B2, khu đô thị mới Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D- Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 3434-HH3C L, phường H, quận H, Hà Nội (*Giấy ủy quyền ngày 11/5/2020*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1976 và bà Cao Thị M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ô 61, khu B2, khu đô thị mới Đ, phường Đ, quận H, TP. Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số nợ: Công ty cổ phần A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 18/3/2020 là **23.114.828.957đ** (*hai mươi ba tỷ một trăm mười bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng*) gồm: Nợ gốc là 20.019.443.912đ; lãi trong hạn là 2.130.816.227đ; lãi phạt quá hạn là 759.660.189đ; lãi chậm trả là 204.908.629đ.

Công ty cổ phần A tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 180121/NHNTHD ngày 05/12/2018 kể từ ngày 19/3/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

2. Về xử lý tài sản thế chấp và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Trường hợp Công ty cổ phần A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Tiến D, bà Cao Thị M phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là thay Công ty cổ phần A trả nợ cho Ngân hàng TMCP N và Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 180121/TC/NHNTHD ngày 19/8/2019 (*có danh mục tài sản thế chấp kèm theo*).

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng TMCP N thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho Công ty cổ phần A. Trường hợp tài sản của ông D, bà M và tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Công ty cổ phần A phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng TMCP N.

3. Về án phí: Ngân hàng TMCP N phải chịu 32.778.700đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 65.557.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0001026 ngày 26/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*do ông Lê Nhật A nộp thay*). Hoàn trả Ngân hàng TMCP N số tiền chênh lệch là **32.778.300đ** (*ba mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm đồng*).

Công ty cổ phần A phải chịu **32.778.700đ** (*ba mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Văn phòng Tòa án.

THẨM PHÁN

Quách Thị Phương Thúy